

1. Nắm tình hình di biến động và quá trình chấp hành chính sách, pháp luật và các quy định về quản chế của người bị quản chế; xử lý các vi phạm về quản chế theo thẩm quyền;

2. Tiếp nhận và xử lý theo thẩm quyền các tin báo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật do người bị quản chế cung cấp;

3. Lập hồ sơ cá nhân đối với người bị quản chế;

4. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể quần chúng và nhân dân địa phương thu thập thông tin, tài liệu có liên quan để đề nghị miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Người nào vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 20.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Điều 21. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 54/2001/ NĐ-CP ngày 23/8/2001 hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để thi hành hình phạt trục xuất quy định tại Điều 32 của Bộ Luật Hình sự năm 1999 và Điều 234a của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Tố tụng hình sự ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ các Điều 16 và 17 của Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 28 tháng 4 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Trục xuất là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội (người không có quốc tịch Việt Nam) buộc người đó trong thời hạn nhất định phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nghị định này hướng dẫn việc thi hành hình phạt trục xuất sau khi có quyết định thi hành án của tòa án. Việc trục xuất theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

3. Việc trục xuất người nước ngoài phạm tội thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

Điều 2.

1. Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an (sau đây viết gọn là cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh) chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thi hành hình phạt trục xuất đối với người bị kết án trục xuất (sau đây viết gọn là người bị trục xuất) theo quyết định thi hành án của tòa án.

2. Việc thi hành hình phạt trục xuất phải bảo đảm an toàn, đúng thời hạn, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chương II

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ TRỤC XUẤT

Điều 3. Người bị trục xuất có nghĩa vụ:

1. Rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đúng thời hạn được ghi trong quyết định thi hành án của tòa án, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh; không được tự ý rời khỏi nơi quản lý, giám sát do cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh chỉ định bằng văn bản.

3. Nộp các giấy tờ cần thiết để thi hành án theo yêu cầu của cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh.

4. Nhanh chóng chấp hành xong các nghĩa vụ khác (nếu có) và hoàn thành các thủ tục cần thiết để rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đúng thời hạn.

5. Tự chịu chi phí về phương tiện xuất cảnh.

Điều 4.

1. Người bị trục xuất có thể được kéo dài thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam theo Điều 234a Bộ Luật Tố tụng hình sự nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đang ốm nặng, đang phải cấp cứu hoặc vì lý do sức khỏe khác mà không thể đi lại được và được cơ quan y tế hoặc bệnh viện từ cấp tỉnh trở lên chứng nhận;

b) Phải chấp hành các hình phạt khác hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Có lý do chính đáng khác cản trở việc rời khỏi lãnh thổ Việt Nam được Thủ trưởng cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh xác nhận.

2. Việc kéo dài thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với người bị trục xuất chỉ được thực hiện khi có quyết định của tòa án đã ra quyết định thi hành án.

Điều 5. Khi rời khỏi lãnh thổ Việt Nam, người bị trục xuất được mang theo tài sản hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN THI HÀNH HÌNH PHẠT TRỤC XUẤT

Điều 6. Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an có trách nhiệm:

1. Thông báo thời điểm thi hành án cho người bị trục xuất chậm nhất là 24 giờ trước khi thi hành.

2. Chuyển cho Bộ Ngoại giao bản sao quyết định thi hành án của Tòa án và thông báo các thông tin, tài liệu cần thiết để phối hợp thi hành án.

3. Thu thập, tiếp nhận các thông tin, tài liệu cần thiết cho việc tổ chức thi hành án từ tòa án và

các cơ quan khác có liên quan; lập hồ sơ và tổ chức thi hành hình phạt trục xuất.

4. Trường hợp người bị trục xuất thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này phải thông báo bằng văn bản cho tòa án đã ra quyết định thi hành án để tòa án xem xét, quyết định việc kéo dài thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với người bị trục xuất.

5. Trường hợp người bị trục xuất không còn lý do để kéo dài thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam thì phải thông báo cho tòa án đã ra quyết định thi hành án để quyết định tiếp tục thi hành án

6. Tiếp tục tổ chức thi hành hình phạt trục xuất theo quyết định thi hành án của tòa án đã có trước khi có quyết định kéo dài thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với người bị trục xuất, nếu hết thời hạn kéo dài đó mà tòa án không có quyết định khác.

7. Trường hợp trong thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam của người bị trục xuất được kéo dài mà tòa án ra quyết định tiếp tục thi hành án thì cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm thi hành ngay.

8. Thông báo cho tòa án biết kết quả thi hành án.

Điều 7. Hồ sơ thi hành hình phạt trục xuất do cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh lập, gồm có:

a) Trích lục hoặc bản sao bản án và quyết định thi hành án của Tòa án;

b) Bản sao hộ chiếu hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của người bị trục xuất;

c) Giấy tờ chứng nhận đã chấp hành xong các hình phạt khác hoặc các nghĩa vụ khác (nếu có);

d) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 8.

1. Căn cứ vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể,

cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh có quyền quyết định về:

a) Các biện pháp quản lý, giám sát cụ thể đối với người bị trục xuất;

b) Cách thức và địa điểm thực hiện việc trục xuất.

2. Trường hợp người bị trục xuất không tự nguyện chấp hành quyết định thi hành án thì cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp sau:

a) Hạn chế việc đi lại, tiếp xúc của người bị trục xuất;

b) Chỉ định nơi ở bắt buộc của người bị trục xuất;

c) Áp giải ngay ra cửa khẩu để buộc rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với người bị trục xuất thuộc loại nguy hiểm hoặc có hành động bỏ trốn hoặc chuẩn bị bỏ trốn;

d) Áp dụng biện pháp cưỡng chế khác theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này bằng văn bản và thông báo cho tòa án đã ra quyết định thi hành án.

Điều 9. Trường hợp người bị trục xuất chưa có khả năng tự chịu chi phí về phương tiện xuất cảnh thì cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh có thể yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người đó là công dân giải quyết kinh phí đưa người bị trục xuất về nước; trường hợp vẫn chưa giải quyết được kinh phí hoặc vì lý do cấp bách bảo vệ an ninh quốc gia thì cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh được sử dụng ngân sách nhà nước để trả chi phí về phương tiện xuất cảnh với mức thấp nhất để buộc người bị trục xuất nhanh chóng rời khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Điều 10. Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất.

2. Tổ chức lực lượng thi hành hình phạt trục xuất.

3. Chủ trì, phối hợp với Tòa án, Viện Kiểm sát, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương có liên quan để tổ chức thi hành hình phạt trục xuất.

4. Thống kê về thi hành hình phạt trục xuất.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thi hành hình phạt trục xuất.

6. Xây dựng dự toán ngân sách chi cho việc thực hiện các hoạt động quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 và 10 của Nghị định này, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an gửi Bộ Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 11. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm giải quyết các thủ tục đối ngoại liên quan đến việc thi hành hình phạt trục xuất và trao đổi, cung cấp các thông tin liên quan cho các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 12. Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho việc thi hành hình phạt trục xuất theo kế hoạch được giao trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an.

Điều 13. Bộ Y tế có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan y tế và bệnh viện trực thuộc tổ chức khám bệnh, giám định và cấp giấy chứng nhận tình trạng sức khỏe đối với người bị trục xuất trong diện được kéo dài thời hạn trục xuất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Người nào vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi

phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 15.

1. Nghị định này có hiệu lực ~~thi hành~~ sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Điều 16. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này điều chỉnh việc quản lý, cung